

Số: /2021/QĐ-UBND

Ninh Thuận, ngày tháng 6 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Quy định mức thu tiền sử dụng khu vực biển
giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;
Căn cứ Luật Biển Việt Nam ngày 21 tháng 6 năm 2012;
Căn cứ Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo ngày 25 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;
Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 2631/TTr-STNMT ngày 11 tháng 6 năm 2021 và Báo cáo thẩm định văn bản số 1180/BC-STP ngày 09 tháng 6 năm 2021 của Sở Tư pháp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Quyết định này quy định mức thu tiền sử dụng khu vực biển giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận thuộc thẩm quyền giao khu vực biển của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

b) Quyết định này không áp dụng đối với việc sử dụng khu vực biển vào mục đích quốc phòng, an ninh.

2. Đối tượng áp dụng: Các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến việc giao khu vực biển, khai thác, sử dụng tài nguyên biển.

Điều 2. Mức thu tiền sử dụng khu vực biển giai đoạn 2021 - 2025

1. Nhóm 1: Sử dụng khu vực biển để nhận chìm với mức thu tiền sử dụng khu vực biển là 15.000 đồng (mười lăm nghìn đồng)/m³.

2. Nhóm 2: Sử dụng khu vực biển để làm cảng biển, cảng nội, cảng dầu khí ngoài khơi và các cảng, bến khác; làm vùng nước trước cầu cảng, vùng quay trở tàu, khu neo đậu, khu chuyển tải, luồng hàng hải chuyên dùng, các công trình phụ trợ khác; vùng nước phục vụ hoạt động của cơ sở sửa chữa, đóng mới tàu thuyền, xây dựng cảng tàu vận tải hành khách; vùng nước phục vụ hoạt động nhà hàng, khu dịch vụ vui chơi, giải trí, thể thao trên biển; khu neo đậu, trú nghỉ đêm của tàu thuyền du lịch; khai thác dầu khí; khai thác khoáng sản; trục vớt hiện vật, khảo cổ với mức thu tiền sử dụng khu vực biển là 6.500.000 đồng (sáu triệu năm trăm nghìn đồng)/ha/năm.

3. Nhóm 3: Sử dụng khu vực biển để xây dựng cáp treo, các công trình nổi, ngầm, lặn biển, đảo nhân tạo, xây dựng dân dụng và các công trình khác trên biển với mức thu tiền sử dụng khu vực biển là 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng)/ha/năm.

4. Nhóm 4: Sử dụng khu vực biển để xây dựng hệ thống đường ống dẫn ngầm, lắp đặt cáp viễn thông, cáp điện với mức thu tiền sử dụng khu vực biển là 5.000.000 đồng (năm triệu đồng)/ha/năm.

5. Nhóm 5: Sử dụng khu vực biển để nuôi trồng thủy sản, xây dựng cảng cá với mức thu tiền sử dụng khu vực biển là 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng)/ha/năm.

6. Nhóm 6: Sử dụng khu vực biển để khai thác năng lượng gió, sóng, thủy triều, dòng hải lưu và các hoạt động sử dụng khu vực biển khác với mức thu tiền sử dụng khu vực biển là 3.000.000 đồng (ba triệu đồng)/ha/năm.

7. Trường hợp trong cùng một khu vực biển có nhiều hoạt động sử dụng khu vực biển theo các mục đích khác nhau nhưng không xác định được diện tích riêng cho mỗi mục đích sử dụng thì áp dụng mức thu cao nhất trong số các mục đích sử dụng để tính tiền sử dụng khu vực biển trong khu vực biển được giao cho tổ chức, cá nhân.

8. Đối với những hoạt động sử dụng khu vực biển chưa có quy định mức thu tiền sử dụng khu vực biển cụ thể theo quy định tại khoản 1, 2, 3, 4, 5 và 6 Điều này, Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định trong từng trường hợp cụ thể nhưng không thấp hơn 3.000.000 đồng/ha/năm và không cao hơn 7.500.000 đồng/ha/năm.

Điều 3. Các hoạt động sử dụng khu vực biển không phải nộp tiền sử dụng biển

1. Sử dụng khu vực biển làm vùng nước trước cầu cảng, vùng quay trở tàu, khu neo đậu, khu chuyển tải, khu tránh bão, vùng đón trả hoa tiêu, vùng kiểm dịch, luồng hàng hải, các công trình phụ trợ khác để phục vụ lợi ích công

cộng và các kết cấu hạ tầng hàng hải khác được đầu tư bằng ngân sách nhà nước để phục vụ lợi ích công cộng.

2. Sử dụng khu vực biển được quy định tại khoản 2 Điều 44 Luật Thủy sản.

3. Sử dụng khu vực biển cố định để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

4. Sử dụng khu vực biển cho các khu bảo tồn biển, khu vực khai thác, bảo vệ nguồn lợi thủy sản, khu bảo tồn đất ngập nước.

5. Sử dụng khu vực biển để tìm kiếm, thăm dò dầu khí; sử dụng khu vực biển để khai thác dầu khí, vận chuyển tài nguyên dầu khí khai thác được trong các vùng biển của Việt Nam về bờ bằng đường ống theo hợp đồng chia sản phẩm dầu khí và quyết định của Thủ tướng Chính phủ (bao gồm cả các hoạt động sử dụng khu vực biển phục vụ trực tiếp cho các hoạt động khai thác, vận chuyển dầu khí: sử dụng khu vực biển để lắp đặt giàn khai thác, làm cảng dầu khí, xây dựng hệ thống đường ống dẫn dầu khí, đường ống nội mỏ và các công trình phụ trợ trực tiếp khác).

6. Sử dụng khu vực biển để nhận chìm chất nạo vét của vùng nước trước cầu cảng, vùng quay trở tàu, khu neo đậu, khu chuyển tải, khu tránh bão, vùng đón trả hoa tiêu, vùng kiểm dịch, luồng hàng hải và các công trình phụ trợ khác để phục vụ lợi ích công cộng và các kết cấu hạ tầng hàng hải khác được đầu tư bằng ngân sách nhà nước để phục vụ lợi ích công cộng.

7. Sử dụng khu vực biển để xây dựng, lắp đặt, vận hành các công trình phục vụ lợi ích quốc gia, công cộng.

8. Các trường hợp được Thủ tướng Chính phủ quyết định việc miễn tiền sử dụng khu vực biển.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan và địa phương có biển xác định vị trí, ranh giới, diện tích khu vực biển, phân nhóm hoạt động sử dụng khu vực biển và khối lượng vật chất nhận chìm ở biển để tính tiền sử dụng khu vực biển phải nộp; phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ kiện kinh tế - xã hội cụ thể của tỉnh tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành 05 năm một lần mức thu tiền sử dụng khu vực biển trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

2. Căn cứ mức thu được quy định tại Điều 2, Cục Thuế tỉnh có trách nhiệm:

a) Thông báo nộp tiền sử dụng khu vực biển cho tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển để thực hiện nộp tiền sử dụng khu vực biển theo quy định của pháp luật;

b) Tổng hợp tình hình quản lý, sử dụng kết quả về thu tiền sử dụng khu vực biển giai đoạn 2021 – 2025 trên địa bàn tỉnh báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài chính và Sở Tài nguyên và Môi trường để theo dõi.

3. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố có biển phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục Thuế tỉnh thực hiện các công việc liên quan khi có yêu cầu.

4. Các nội dung khác không quy định tại Quyết định này, thực hiện theo quy định tại Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021 của Chính phủ và quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ...tháng ...năm 2021 và thay thế Quyết định số 61/2020/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quy định mức thu tiền sử dụng khu vực biển năm 2021 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở; Thủ trưởng các Ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Vụ Pháp chế (Bộ Tài nguyên và Môi trường);
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- TT. HĐND các huyện, thành phố;
- Đài PTTH tỉnh, Báo Ninh Thuận;
- Trung tâm CNTT và truyền thông (công báo);
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- VPUB: LĐ, Chuyên viên;
- Lưu: VT. TT

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Huyền